

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Bảo.

Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Xuân Tuấn.
- Bà Trương Thị Khung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-DS ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Bùi Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn D và chị Đoàn Thị T kết hôn ngày 23/9/2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2023, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Đến tháng 3/2023, chị Đoàn Thị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Vợ chồng ly thân kể từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Bùi Văn D xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị Đoàn Thị T.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc T, sinh ngày 03/02/2021. Hiện nay cháu T đang sinh sống cùng anh D. Khi ly hôn, anh Bùi Văn D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Ngọc T đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Đoàn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con, anh D có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đoàn Thị T không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Kết quả xác minh tại nhà bố mẹ đẻ của chị Đoàn Thị T thể hiện: Chị Đoàn Thị T có biết việc anh Bùi Văn D làm đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu nuôi con nhưng chị Đoàn Thị T bảo bận, không đến Tòa để giải quyết. Hiện nay, chị Đoàn Thị T vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về. Theo bố mẹ chị T, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ cuối tháng 4/2022 khi anh D và chị T đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh. Gia đình hai bên cũng có khuyên nhủ anh chị tiếp tục về chung sống với nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái nên sau đó anh D và chị T tiếp tục chung sống được một thời gian. Đến tháng 4/2023, anh D, chị T tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Vợ chồng ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Bùi Văn D được ly hôn với chị Đoàn Thị T. Anh Bùi Văn D có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Ngọc T cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị Đoàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đoàn Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà, nguyên đơn anh Bùi Văn D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đoàn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Anh Bùi Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Đoàn Thị T có nơi cư trú tại thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Anh Bùi Văn D và chị Đoàn Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Bùi Văn D và chị Đoàn Thị T có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc T sinh ngày 03/02/2021. Quá trình giải quyết, anh Bùi Văn D thể hiện nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Ngọc T đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện tại cháu T đang sinh sống, học tập ổn định cùng với bố là anh Bùi Văn D, thu nhập trung bình hàng tháng của anh D được khoảng 15.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Mặt khác, bị đơn chị Đoàn Thị T thường xuyên vắng nhà; quá trình giải quyết, chị T biết anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng chị T không có ý kiến gửi về Tòa án, cũng không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng của bản thân. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy, nguyên đơn cũng có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con. Do

vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn không có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và người tham gia tố tụng là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá phù hợp với đường lối giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn D được ly hôn chị Đoàn Thị T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019, đăng ký ngày 23/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Anh Bùi Văn D và chị Đoàn Thị T có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc T, sinh ngày 03/02/2021.

Khi ly hôn, anh Bùi Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Ngọc T cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Đoàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh Bùi Văn D chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Bùi Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Bùi Văn D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004729 ngày 23/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Quốc Bảo